

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTT, sinh 1993, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh QVT, sinh 1992, trú tại: Bản C, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh QVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 13/8/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh QVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh QVT.

Về con chung: Có hai con là QND, sinh ngày 20/10/2013 và QCH, sinh ngày 13/10/2015. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con QCH và anh QVT nuôi con QND, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyên vọng của hai bên gia đình và của con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh QVT từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh QVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTT trình bày là đúng.

Về con chung: Có hai con là QND, sinh ngày 20/10/2013, QCH, sinh ngày 13/10/2015.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị LTT được ly hôn anh QVT.

Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi con là QCH, sinh ngày 13/10/2015; giao cho anh QVT trực tiếp nuôi con là QND, sinh ngày 20/10/2013. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh QVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyên vọng, anh QVT đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh QVT.

Chị LTT có đơn đề nghị được xử vắng mặt, theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh QVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh QVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh QVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh QVT.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện và nguyện vọng của các cháu, cần giao cháu QCH, sinh ngày 13/10/2015 cho chị LTT trực tiếp nuôi, anh QVT trực tiếp con là QND, sinh ngày 20/10/2013 là đúng nguyện vọng của các cháu không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh QVT.

2. Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi con là QCH, sinh ngày 13/10/2015; giao cho anh QVT trực tiếp nuôi con là QND, sinh ngày 20/10/2013. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002183 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTT, anh QVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MB, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn